

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2024/HS-ST

Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên;

Bà Lê Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Kim C, tên gọi khác: B, sinh ngày 19/9/1991 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi thường trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nơi tạm trú: Ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thắng E, sinh năm 1968 (sống) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1970 (sống); bản thân chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2024 cho đến ngày 19/9/2024 thì được áp dụng biện pháp thay thế ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH C1.

Trụ sở: Lô B, Đường số C, KCN T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: S2 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Sầm Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Đào Văn S, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Dương Phát T1, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Nguyễn Thành T3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

5. Võ Thị Kim H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Nguyễn Kim H1, sinh năm 1961 (có mặt).

Nơi thường trú: Số 9/22, Đường Bạch Văn Tư, Phường 1, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Chỗ ở: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

7. Trần Văn T4, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi thường trú: Ấp Bình Thành, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

8. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi thường trú: Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Đường số 25A, KCN Tân Đức, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

9. Trần Minh T5, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi thường trú: Khóm Vĩnh Xuyên, Phường Núi Sơn, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

10. Trần Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phú Hưng, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở: Ấp 4, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

Lê Ngọc V, sinh năm 1986 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/09/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, địa chỉ: Lô B, Đường số C, Khu Công nghiệp T thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An chính thức ký hợp đồng lao động với Nguyễn Kim C (B) tại hợp đồng lao động số CS-L1/22/09-01 làm nhiệm vụ Quản lý sản xuất. Đến ngày 01/11/2022, C được Công ty bổ nhiệm làm sinh quản lý kho chịu trách nhiệm quản lý kho, kiểm tra sản phẩm, nhận hàng thành phẩm, giao hàng và quản lý hàng tồn kho, kiểm tra toàn bộ đóng gói và vận chuyển hàng mộc, thành phẩm và các dịch vụ khách hàng. Khi có đơn khách hàng thì bộ phận nghiệp vụ của công ty nhập vào hệ thống máy tính theo sự phân công của tổng giám đốc Công ty, từ đó C lên hệ thống xem thông tin nếu thuộc chức năng nhiệm vụ của C thì C trực tiếp xử lý, điều hành.

Khoảng đầu tháng 5 năm 2023, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là những cuộn vải mộc (nguyên liệu vải chưa nhuộm thành phẩm) trong kho hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 mà C có trách nhiệm quản lý để đem ra ngoài Công ty bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định trên, C liên hệ với Đào Văn S là chủ vừa phế liệu biển hiệu Tuấn S1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để hỏi bán loại cuộn vải này với giá 8.000 đồng/1kg, C nói với S1 là vải phế, vải bị lỗi của Công ty, nên S1 đồng ý mua. Cụ thể từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023 C đã chiếm đoạt tài sản của Công ty C1 10 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 04/5/2023, C liên hệ với S1 thỏa thuận bán vải phế liệu. Sau đó C điều xe ô tô biển số 62L-6378 do tài xế tên Nguyễn Thành T3, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An điều khiển 04 đến 05 chuyến chở 161 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26 và CSV-349) qua Công ty H2, địa chỉ: Lô B, Đường A, Khu Công nghiệp T thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để gia công nhuộm, từ đó C đã lấy thêm nhiều cuộn vải so với số lượng ghi trong các phiếu xuất hàng bỏ lên xe để T3 chở qua Công ty H2. Sau khi T3 vận chuyển xong, C liên hệ với Đào Văn S điều xe ô tô biển số 93C-119.95, do tài xế Dương Phát T1, sinh năm 1997, nơi cư trú: Khóm A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chạy qua Công ty H2 để vận chuyển các cuộn vải mà C đã lấy thêm so với các phiếu xuất chở về vừa phế liệu của S thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, C chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 45 cuộn vải, trọng lượng 812,5 kg vải (loại ký hiệu CSV-26), C bán được 6.500.000 đồng, đến khoảng cuối tháng 05 năm 2023 S chuyển khoản cho C số tiền nêu trên.

Lần 2: Ngày 20/6/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và kêu Dương Phát T1 điều khiển xe ô tô biển số 93C-119.95 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chất nhiều cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26)

lên xe (Chi không nhớ chính xác bao nhiêu cuộn vải), trọng lượng 584,3 kg vải chở về vừa phế liệu của S. Lần này, C bán được 4.675.000 đồng do vợ của Sang tên Võ Thị Kim H, sinh năm 1993, nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C.

Lần 3: Ngày 04/7/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và kêu Dương Phát T1 điều khiển xe ô tô biển số 93C-119.95 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chất 19 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-83), trọng lượng 419,2 kg vải lên xe chở về vừa phế liệu của S. Lần này, C bán được 3.354.000 đồng do S chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C. Trong sao kê tài khoản của C thể hiện ngày 04/7/2023 S chuyển khoản cho C số tiền 8.354.000 đồng vì trước đó S còn thiếu C 5.000.000 đồng tiền hỏi mượn nên chuyển trả.

Lần 4: Ngày 05/7/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý. Sau đó C kêu tài xế Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1994, nơi thường trú: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An lấy xe bán tải biển số 62LD-011.34 của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chở khoảng 12 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26-1), trọng lượng 225 kg vải đến đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An sang qua xe ô tô biển số 93C-119.95 do T1 điều khiển chở về vừa phế liệu của S ở ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Lần này C bán cho S được 1.800.000 đồng (S đưa tiền trực tiếp cho C).

Lần 5: Ngày 12/7/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và kêu Dương Phát T1 điều khiển xe ô tô biển số 93C-119.95 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chất 28 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26-1), trọng lượng 500 kg vải lên xe chở về vừa phế liệu của S. Lần này C bán cho S được 4.000.000 đồng, khoảng 10 ngày sau S chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C.

Lần 6: Ngày 24/7/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và S điều khiển xe ô tô biển số 93C-119.95 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chất khoảng 23 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26), trọng lượng 260 kg vải lên xe chở về vừa phế liệu của S. Lần này C bán được 2.080.000 đồng, khoảng 02 ngày sau S chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C.

Lần 7: Ngày 01/8/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và C kêu tài xế Nguyễn Văn T2 lấy xe bán tải của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 biển số 62LD-011.34 chở khoảng 24 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26-1), trọng lượng 460 kg vải đến đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 sang qua xe ô tô biển số 93C-119.95, do T1 điều khiển chở về vừa phế liệu của S. Lần này C bán cho S được 3.680.000 đồng (S chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C).

Lần 8: Ngày 04/8/2023, C tiếp tục liên lạc với S thỏa thuận bán vải phế liệu, S đồng ý và C kêu tài xế Nguyễn Văn T2 lấy xe bán tải của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, biển số 62LD-011.34 chở khoảng 13 cuộn vải (loại ký hiệu CSV-26-1), trọng lượng 295 kg vải đến đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 sang qua xe ô tô biển số 93C-119.95, do T1 điều khiển chở về vừa phế liệu của S. Lần này C bán cho S được 2.360.000 đồng (lần này qua ngày 05/8/2023 S chuyển khoản tiền vào số tài khoản của C).

Lần 9: Khoảng 11 giờ 00 ngày 07/08/2023, C điện thoại cho S nói là có vải phế liệu cần bán kêu S lại địa điểm tại đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 để nhận hàng, thì S nói đang bận đi giao hàng chiều sẽ đến nhận. Như đã thỏa thuận, đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày C kêu Nguyễn Văn T2 là tài xế của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 điều khiển xe ô tô bán tải biển số 62LD-011.34 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chở 9 cuộn vải mộc (nguyên liệu vải chưa nhuộm thành phẩm) đến đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 để sang hàng cho khách. Khi T2 điều khiển xe bán tải chở 09 cuộn vải đến địa điểm nêu trên thì giao cho Dương Phát T1 (là tài xế lái xe ô tô biển số 93C-119.95 của Đào Văn S), T1 bỏ 09 cuộn vải lên xe rồi chở về vừa phế liệu của S. Sau khi S nhận được 09 cuộn vải mộc mà C kêu Tâm giao, S nói cân được 162 kg, tổng cộng thành tiền là 1.296.000 đồng, S trả tiền cho Chi bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 5506205121857 của C mở tại Ngân hàng N.

Lần 10: Vào khoảng 11 giờ ngày 08/08/2023, với phương thức, thủ đoạn tương tự, C điện thoại cho S tiếp tục thỏa thuận bán vải phế liệu và giao vải ở địa điểm cũ (gần cổng sau Trường tiểu học V1), S đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày C kêu T2 điều khiển xe ô tô bán tải biển số 62LD-011.34 vào kho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 chở 16 cuộn vải mộc đến đoạn đường gần cổng sau Trường tiểu học V1 rồi sang vải cho Dương Phát T1 bỏ lên xe ô tô tải biển số 93C-119.95 chở về vừa phế liệu của S. Sau khi nhận vải, S cân được 400 kg, tổng cộng thành tiền là 3.200.000 đồng, đến chiều cùng ngày S trả tiền trực tiếp cho C.

Đến ngày 10/08/2023, C biết ông Sun J là tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 phát hiện sự việc trên, nên C liên hệ với Đào Văn S chuộc lại 25 cuộn vải mộc mà C đã chiếm đoạt của Công ty C1 vào ngày 07/08/2023 và ngày 08/08/2023 để giao nộp lại cho Công ty.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 04/05/2023 đến ngày 08/08/2023, Nguyễn Kim C chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 tổng cộng 4.118 kg vải gồm nhiều loại ký hiệu khác nhau như CSV-26, CSV-26-1, CSV-83, CSV-12 bán cho Đào Văn S thu lợi được 32.945.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 129/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 25 cuộn vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% P, ký hiệu CSV 26-1, tổng khối lượng là 558 kg có giá trị là 51.366.690 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS ngày 25/07/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận:

1.480 kg vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% Polyester, ký hiệu CSV 26 - 1 có giá trị 142.325.680 đồng;

419,2 kg vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% Polyester, ký hiệu CSV 83 có giá trị 42.980.576 đồng;

1.396,8 kg vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% Polyester, ký hiệu CSV 26 có giá trị 148.960.339 đồng;

260 kg vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% Polyester, ký hiệu CSV 12 có giá trị 23.899.980 đồng.

Tổng trị giá là 409.533.265 đồng.

Tại Cáo trạng số 142/CT-VKSDH ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố Nguyễn Kim C về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Kim C hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Kim C về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim C phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến ngày 19/9/2024.

Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với việc Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 trình báo bị mất tổng cộng 15.437,9 kg vải các loại CSV-123, CSV-349, CSV-26, CSV-26-1, ZMY-02, ZMY-03, CSV-12, CSV-83, CSV-13, tương đương với số tiền 1.506.422.560 đồng. Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để xác định Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt 4.114 kg vải gồm nhiều loại ký hiệu khác nhau như CSV-26, CSV-26-1, CSV-83, CSV-12, còn lại 11.323,9 kg Công ty trình báo không có chứng cứ để chứng minh Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt, nên không có căn cứ xử lý C chiếm đoạt đối với số tài sản này.

Đối với Đào Văn S là chủ vừa phế liệu biển hiệu T thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An mua vải của C từ tháng 05 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023. Tuy nhiên, S không biết đây là tài sản Chi chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, nên hành vi của S không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Nguyễn Văn T2 nhiều lần điều khiển xe ô tô bán tải biển số 62LD-011.34 chở hàng hóa là vải của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 đến khu vực gần trường tiểu học V1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An giao cho Dương Phát T1 theo sự phân công của C. T2 không biết đây tài sản C chiếm đoạt của Công ty, C nói với T2 là chở vải giao cho khách hàng để bù, đổi lại các lần vải bị hư hỏng. Ngoài ra, T2 không bàn bạc, thỏa thuận hoặc hưởng lợi gì với C trong việc chiếm đoạt tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên hành vi của T2 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Dương Phát T1 nhiều lần điều khiển xe ô tô tải biển số 93C-119.95 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, Công ty H2 và khu vực gần trường tiểu học V1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để chở hàng hóa là vải do C bán cho Đào Văn S theo sự phân công của S, T1 hoàn toàn không biết đây tài sản Chi chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên hành vi của T1 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 do Sầm Thị T là người đại diện yêu cầu bị cáo Nguyễn Kim C phải bồi thường số tiền 1.506.422.560 đồng, tương đương với số lượng 15.437,9 kg vải bị mất. Tại phiên tòa, bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, chỉ đồng ý tự nguyện bồi thường giá trị 4.114 kg vải đã chiếm đoạt theo giá định giá. Do không đủ chứng cứ để chứng minh Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt đối với 11.323,9 kg vải do Công ty trình báo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Đối với 558kg vải đã thu hồi trả lại cho Công ty C1 xong nên không xem xét, buộc bị cáo C bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 tổng số tiền là 358.166.575 đồng. Khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 là 318.166.575 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo C nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 32.945.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 25 cuộn vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% P, ký hiệu CSV 26-1, tổng khối lượng là 558 kg, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 là bà Sầm Thị T theo biên bản trả lại đồ vật tài liệu ngày 17 tháng 8 năm 2024 là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Sầm Thị T tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 số tiền 1.506.422.560 đồng, tương đương với số lượng 15.437,9 kg vải bị mất. Trường hợp bị cáo không bồi thường số tiền này thì đề nghị xử lý bị cáo mức án cao nhất của khung hình phạt là 15 năm tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tranh luận đối đáp với ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Không có đủ căn cứ để xác định bị cáo C chiếm đoạt số lượng 15.437,9 kg vải, chỉ đủ căn cứ xác định bị cáo C chiếm đoạt số lượng 4.114 kg nên buộc C bồi thường đối với số lượng vải đã chiếm đoạt là phù hợp. Về mức hình phạt, Viện kiểm sát đã căn cứ hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị mức hình phạt là phù hợp, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm không tranh luận thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Văn S, Dương Phát T1, Nguyễn Thành T3, Võ Thị Kim H, Trần Văn T4, Nguyễn Thị Kim P, Trần Thị L và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, bản kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Kim C chức vụ sinh quản lý kho của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 thuộc khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An chịu trách nhiệm quản lý kho, kiểm tra sản phẩm, nhận hàng thành phẩm, giao hàng và quản lý hàng tồn kho, kiểm tra toàn bộ đóng gói và vận chuyển hàng mộc, thành phẩm và các dịch vụ khách hàng. Khi có đơn khách hàng thì bộ phận nghiệp vụ của công ty nhập vào hệ thống máy tính theo sự phân công của tổng giám đốc Công ty, từ đó C lên hệ thống xem thông tin nếu thuộc chức năng nhiệm vụ của C thì C trực tiếp xử lý, điều hành. Từ ngày 04/05/2023 đến ngày 08/08/2023, Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 tổng cộng 4.114 kg vải (gồm nhiều loại ký hiệu khác nhau như CSV-26, CSV-26-1, CSV-83, CSV-12) tổng trị giá 409.533.265 đồng để bán và thu lợi bất chính số tiền 32.945.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Kim C phạm tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định Điều 353 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo thực hiện hành vi từ 02 lần trở lên và tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 409.533.265 đồng nên thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng bị cáo vẫn bất

chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn và uy tín của Công ty, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2.3] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp bồi thường một phần thiệt hại, tự thú hành vi phạm tội trước đó, bị cáo có ông nội Nguyễn Văn B1 là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với việc Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 trình báo bị mất tổng cộng 15.437,9 kg vải các loại CSV-123, CSV-349, CSV-26, CSV-26-1, ZMY-02, ZMY-03, CSV-12, CSV-83, CSV-13, tương đương với số tiền 1.506.422.560 đồng. Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ để xác định Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt 4.114 kg vải gồm nhiều loại ký hiệu khác nhau như CSV-26, CSV-26-1, CSV-83, CSV-12, còn lại 11.323,9 kg Công ty trình báo không có chứng cứ để chứng minh Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt, nên không có căn cứ xử lý C chiếm đoạt đối với số tài sản này.

Đối với Đào Văn S là chủ vừa phế liệu biển hiệu T thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An mua vải của C từ tháng 05 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023. Tuy nhiên, S không biết đây là tài sản Chi chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, nên hành vi của S không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Nguyễn Văn T2 nhiều lần điều khiển xe ô tô bán tải biển số 62LD-011.34 chở hàng hóa là vải của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 đến khu vực gần trường tiểu học V1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An giao cho

Dương Phát T1 theo sự phân công của C. T2 không biết đây tài sản C chiếm đoạt của Công ty, C nói với T2 là chở vải giao cho khách hàng để bù, đổi lại các lần vải bị hư hỏng. Ngoài ra, T2 không bàn bạc, thỏa thuận hoặc hưởng lợi gì với C trong việc chiếm đoạt tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên hành vi của T2 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Dương Phát T1 nhiều lần điều khiển xe ô tô tải biển số 93C-119.95 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn C1, Công ty H2 và khu vực gần trường tiểu học V1 thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để chở hàng hóa là vải do C bán cho Đào Văn S theo sự phân công của S, T1 hoàn toàn không biết đây tài sản Chi chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên hành vi của T1 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Trần Minh T5 và Nguyễn Thị Kim P là nhân viên kho hàng có hành vi thực hiện việc xuất hàng nhiều hơn số lượng ghi trên phiếu xuất kho nhưng T5 và P thực hiện theo yêu cầu của C và C nói với T5, P lấy hàng bù đổi vào hàng bị lỗi, hàng nhuộm bị hư hỏng trước đó. T5 và P không bàn bạc, thỏa thuận hoặc hưởng lợi gì và không biết C chiếm đoạt tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 nên hành vi của T5 và P không cấu thành tội phạm có liên quan.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 do bà Sầm Thị T là người đại diện yêu cầu bị cáo Nguyễn Kim C phải bồi thường tổng số tiền 1.506.422.560 đồng, tương đương với số lượng 15.437.9 kg vải bị mất. Tại phiên tòa, bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, chỉ đồng ý tự nguyện bồi thường giá trị của 4.114 kg vải đã chiếm đoạt theo giá định giá. Quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa không có chứng cứ để chứng minh Nguyễn Kim C đã chiếm đoạt đối với 11.323,9 kg vải do Công ty trình báo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Đối với 558kg vải có giá trị là 51.366.690 đồng đã thu hồi trả lại cho Công ty C1 xong nên không xem xét, buộc bị cáo C có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 tổng số tiền là 358.166.575 đồng. Khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Công ty C1 số tiền còn lại là 318.166.575 đồng.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 25 cuộn vải mộc (chưa thành phẩm) màu trắng, loại vải 100% P, ký hiệu CSV 26-1, tổng khối lượng là 558 kg, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 là

bà Sầm Thị T theo biên bản trả lại đồ vật tài liệu ngày 17 tháng 8 năm 2024 là phù hợp không xem xét đến.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Kim C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim C phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án, khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2024 đến ngày 19/9/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Kim C có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 tổng số tiền là 358.166.575 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 số tiền còn lại là 318.166.575 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp bồi thường để đảm bảo thi hành án (Theo biên lai thu tiền số 0002919 ngày 10/9/2024 của Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Kim C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và

15.908.329 đồng (Mười lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm